

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2016/TT-BTTTT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ
Thông tin và Truyền thông)

CÔNG TY CỔ PHẦN
TRUYỀN HÌNH CẤP NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12 /KT
V/v báo cáo định kỳ chất lượng dịch vụ

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CHẤT LƯỢNG
DỊCH VỤ PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH**

Kính gửi: Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử

I. Thông tin đơn vị cung cấp dịch vụ:

- Tên đơn vị cung cấp dịch vụ: Công ty Cổ phần Truyền hình cáp Nghệ An.
- Địa chỉ: 25A Nguyễn Thị Minh Khai, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Loại hình và phương thức dịch vụ cung cấp (đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Tên dịch vụ	Truyền hình quảng bá	Truyền hình trả tiền
Dịch vụ truyền hình mặt đất kỹ thuật số	☐	☐
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ tương tự	☐	☒
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ số	☐	☒
Dịch vụ truyền hình cáp công nghệ IPTV	☐	☐
Dịch vụ truyền hình qua vệ tinh	☐	☐
Dịch vụ truyền hình di động	☐	☐
Dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet	☐	☐
Dịch vụ truyền hình DVBT-2	☐	☒

II. Thời gian báo cáo: (Đánh dấu ☒ vào ô trống phù hợp)

Năm: 2023

- Báo cáo định kỳ lần 1 cho 6 tháng đầu năm (số liệu báo cáo từ 1/1 - 30/6) ☒

- Báo cáo định kỳ lần 2 cho 6 tháng cuối năm (số liệu báo cáo từ 1/7 - 31/12) ☐

III. Nội dung báo cáo:

1. Chấp hành các quy định về quản lý chất lượng dịch vụ:

(Chấp hành: *Đánh dấu p*; Chưa chấp hành: *Đánh dấu x*)

- Thực hiện công bố chất lượng theo quy định ☒
 - Xây dựng mục quản lý chất lượng trên website ☐
- Đường liên kết (link) đến mục quản lý chất lượng:
- Ban hành quy chế tự kiểm tra ☒
 - Thực hiện giám sát dịch vụ thường xuyên ☒
 - Thực hiện đo kiểm định kỳ ☒

2. Kết quả đo kiểm chất lượng dịch vụ

- Đơn vị thực hiện đo kiểm: PKT Công ty CP Truyền Hình Cáp
- Địa chỉ: Địa chỉ: 25 Minh Khai – TP Vinh – Nghệ An
- Thời gian thực hiện đo kiểm: 27,28,29 tháng 06 năm 2023
- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Vinh 15 điểm, Huyện Nghi lộc 3 điểm, Hưng Nguyên 3 điểm.

Dịch vụ: Dịch vụ truyền hình tương tự

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: **QCVN 87:2020/BTTTT**

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 21

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Bảng tần hoạt động	VHF, UHF	VHF, UHF	VHF, UHF	
2	Mức tín hiệu cao tần:	60 dB μ V ÷ 80 dB μ V	60 dB μ V ÷ 80 dB μ V	60 dB μ V ÷ 80 dB μ V	
3	Đáp tuyến tần số trong một kênh truyền hình	7/8	8	8	
4	Độ sai lệch tần số cao tần	Dải tần số VHF/UHF: ± 30 kHz	VHF/UHF: ± 30 kHz	VHF/UHF: ± 30 kHz	
5	Độ ổn định tần số cao tần	Độ ổn định tần số $\leq 10^{-6}$.	Độ ổn định tần số $\leq 10^{-6}$.	Độ ổn định tần số $\leq 10^{-6}$.	
6	Tỷ số công suất sóng mang hình trên tạp âm	C/N ≥ 43 dB	C/N ≥ 43 dB	C/N ≥ 43 dB	

0080
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

7	Yêu cầu tín hiệu hình	Mức giới hạn $(87,5 \pm 2)\%$ của biên độ tín hiệu đỉnh - đỉnh xung đồng bộ	Mức giới hạn $(87,5 \pm 2)\%$ của biên độ tín hiệu đỉnh - đỉnh xung đồng bộ	Mức giới hạn của biên độ tín hiệu đỉnh - đỉnh xung đồng bộ $(87,5 \pm 2)\%$	
8	Tỷ số tín hiệu trên tạp âm	$S/N \geq 45\text{dB}$.	$S/N \geq 45\text{dB}$.	$S/N \geq 45\text{dB}$.	
9	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số hình	Mức giới hạn $\pm 2\text{ dB}$ trong dải tần 0 MHz đến 5 MHz.	Mức giới hạn $\pm 2\text{ dB}$ trong dải tần 0 MHz đến 5 MHz.	Mức giới hạn $\pm 2\text{ dB}$ trong dải tần 0 MHz đến 5 MHz.	
10	Khoảng cách giữa tần số mang hình và mang tiếng	- Hệ màu PAL B/G là 5,5 MHz; - Hệ màu PAL D/K là 6,5 MHz.	Hệ màu PAL D/K là 6,5 MHz	Hệ màu PAL D/K là 6,5 MHz	
11	Tỷ lệ công suất sóng mang tín hiệu hình và tiếng	Giới hạn trong khoảng $13\text{ dB} \div 16\text{ dB}$	Trong khoảng $13\text{ dB} \div 16\text{ dB}$	$13\text{ dB} \div 16\text{ dB}$	
12	Băng thông của mỗi kênh	- Với hệ màu PAL B là 7 MHz; - Với hệ màu PAL G là 8 MHz; - Với hệ màu PAL D/K là 8 MHz.	Hệ màu PAL D/K là 8 MHz.	8 MHz	
13	Độ di tần tiếng	Độ di tần tối đa cho phép là 50 kHz	Độ di tần tối đa cho phép là 50 kHz	Độ di tần tối đa là 50 kHz	
14	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số âm thanh	Mức giới hạn $\pm 1,5\text{ dB}$ đối với biên độ tần số âm thanh từ 30 Hz đến 15 000 Hz.	Mức giới hạn $\pm 1,5\text{ dB}$ đối với biên độ tần số âm thanh từ 30 Hz đến 15 000 Hz.	Biên độ tần số âm thanh từ 30 Hz đến 15 000 Hz. Mức giới hạn $\pm 1,5\text{ dB}$	14

Dịch vụ: Dịch vụ truyền hình số

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: **QCVN 85:2014/BTTTT**

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 21

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
-----	--------------	---	-------------	----------------------------	---------

1	Mức tín hiệu cao tần	- Từ 41 đến 61 dBmV với điều chế 16 QAM; - Từ 47 đến 67 dBmV với điều chế 64 QAM; - Từ 54 đến 74 dBmV với điều chế 256 QAM.	- Từ 47 đến 67 dBmV với điều chế 64 QAM;	65 dBmV với điều chế 64 QAM;	
2	Băng thông của mỗi kênh	Tối đa 8 MHz.	8 MHz.	8 MHz.	
3	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số tín hiệu cao tần	Sai lệch trong dải từ -2 dB đến +2 dB.	Từ -2 dB đến +2 dB.	-2 dB đến +2 dB.	
4	Tỷ số lỗi điều chế (MER)	- MER > 20 dB với điều chế 16 QAM; - MER > 26 dB với điều chế 64 QAM; - MER > 32 dB với điều chế 256 QAM.	MER > 26 dB với điều chế 64 QAM;	MER > 26 dB	
5	Tỷ số lỗi bit (BER)	$BER < 10^{-4}$	$BER < 10^{-4}$	$BER < 10^{-4}$	
6	Tỷ số tín hiệu cao tần trên tạp âm (C/N) với $BER = 10^{-4}$	- C/N > 20 dB với điều chế 16 QAM; - C/N > 26 dB với điều chế 64 QAM; - C/N > 32 dB với điều chế 256 QAM.	C/N > 26 dB với điều chế 64	-C/N > 26 dB	
7	Độ rung pha	Độ rung pha tín hiệu phải nằm trong dải từ -5° đến +5°	Độ rung pha tín hiệu nằm trong dải từ -5° đến +5°	Độ rung pha tín hiệu từ -5° đến +5°	

Dịch vụ: Dịch vụ truyền hình số DVB-T2

+ Số lượng mẫu đo kiểm tối thiểu theo quy định: **QCVN 121:2020/BTTTT**

+ Số lượng mẫu đo kiểm thực tế: 21

STT	Tên chỉ tiêu	Mức theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (số hiệu Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia)	Mức công bố	Kết quả đo kiểm trung bình	Ghi chú
1	Mức tín hiệu cao tần	- Từ 41 đến 61 dBmV với điều chế 16 QAM; - Từ 47 đến 67 dBmV với điều chế 64 QAM; - Từ 54 đến 74 dBmV với điều chế 256 QAM.	- Từ 47 đến 67 dBmV với điều chế 64 QAM;	65 dBmV với điều chế 64 QAM;	

2	Bảng thông của mỗi kênh	Tối đa 8 MHz.	8 MHz.	8 MHz.	
3	Sai lệch đáp tuyến biên độ tần số tín hiệu cao tần	Sai lệch trong dải từ -2 dB đến +2 dB.	Từ -2 dB đến +2 dB.	-2 dB đến +2 dB.	
4	Tỷ số lỗi điều chế (MER)	- MER > 20 dB với điều chế 16 QAM; - MER > 26 dB với điều chế 64 QAM; - MER > 32 dB với điều chế 256 QAM.	MER > 26 dB với điều chế 64 QAM;	MER > 26 dB	
5	Tỷ số lỗi bit (BER)	$BER < 10^{-4}$	$BER < 10^{-4}$	$BER < 10^{-4}$	
6	Tỷ số tín hiệu cao tần trên tạp âm (C/N) với $BER = 10^{-4}$	- C/N > 20 dB với điều chế 16 QAM; - C/N > 26 dB với điều chế 64 QAM; - C/N > 32 dB với điều chế 256 QAM.	C/N > 26 dB với điều chế 64	-C/N > 26 dB	
7	Độ rung pha	Độ rung pha tín hiệu phải nằm trong dải từ -5° đến +5°	Độ rung pha tín hiệu nằm trong dải từ -5° đến +5°	Độ rung pha tín hiệu từ -5° đến +5°	

- Địa điểm đo kiểm: Thành phố Vinh 15 điểm, Huyện Nghi lộc 3 điểm, Hưng Nguyên 3 điểm.

Nghệ An, ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị cung cấp dịch vụ

(ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:



GIÁM ĐỐC

Hà Văn Minh